TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 180/2023/DS-ST

Ngày: 14-6-2023

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Tám

Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Châu Thị Lệ
2. Ông Võ Thành Viên

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hoa – Thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Phượng - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 417/2022/TLST-DS ngày 04 tháng 11 năm 2022, về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 181/2023/QĐST-DS ngày 17 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Trương Văn H, sinh năm 1964; địa chỉ: Xã T, huyện M, Thành phố H;

Đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Bích Văn Đ, sinh năm 1990, theo giấy ủy quyền công chứng ngày 11/01/2023, (có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Phạm Thiên C, sinh năm 1981; địa chỉ: Phường 9, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh; (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 10 tháng 10 năm 2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày:

Ông Trương Văn H cho ông Phạm Thiên C vay số tiền 670.000.000 đồng theo hợp đồng cho vay tiền ngày 26/6/2014 hai bên đã ký, hợp đồng thỏa thuận mức lãi suất cho vay là 1%/tháng tính từ ngày nhận tiền vay, tiền lãi trả hàng tháng, thời hạn vay là 01 tháng tính từ ngày 26/6/2014 đến ngày 26/7/2014.

Ông Trương Văn H xác nhận số tiền cho vay trên là khoản vay riêng giữa nguyên đơn và bị đơn. Nhiều năm trôi qua mà bị đơn chưa thực hiện nghĩa vụ trả nợ vay và lãi suất cho nguyên đơn như thoản thuận.

Do ông Phạm Thiên C vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ông Trương Văn H khởi kiện, yêu cầu ông Phạm Thiên C phải thanh toán cho ông Trương Văn H tổng số nợ gốc và lãi tính đến ngày 26/7/2017 là 1.040.510.000 đồng, trong đó: nợ gốc là 670.000.000 đồng, tiền lãi trên nợ gốc trong hạn tính từ ngày 26/6/2014 đến ngày 26/7/2014 là 6.700.000 đồng (cụ thể là 01 tháng x 670.000.000 đồng x 1%/tháng = 6.700.000 đồng), tiền lãi trên nợ gốc quá hạn từ ngày 26/7/2014 đến ngày 26/7/2017 là 361.800.000 đồng (tính cụ thể là 670.000.000 đồng x 1%/tháng x 150% x 3 năm x 12 tháng = 361.800.000 đồng), tiền lãi trên nợ lãi chưa trả tính từ ngày 26/7/2014 đến ngày 26/7/2017 là 2.010.000 đồng (cụ thể là 6.700.000 đồng x 10%/năm x 3 năm = 2.010.000 đồng).

Trong quá trình tố tụng, nguyên đơn rút lại một phần yêu cầu khởi kiện, nguyên đơn không yêu cầu bị đơn trả tiền lãi trên nợ lãi chưa trả tính từ ngày 26/7/2014 đến ngày 26/7/2017 là 2.010.000 đồng.

Thời hạn thanh toán: Ông Trương Văn H yêu cầu ông Phạm Thiên C trả số tiền nợ trên ngay sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Tại phiên tòa, nguyên đơn có mặt và xác định lại lãi suất quá hạn, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền lãi trên nợ gốc quá hạn từ ngày 26/7/2014 đến ngày 26/7/2017 là 180.900.000 đồng (tính cụ thể là: 670.000.000 đồng x 0,75%/tháng x 3 năm x 12 tháng = 180.900.000 đồng). Nguyên đơn trình bày khi nguyên đơn giao tiền mặt cho bị đơn và hai bên ký hợp đồng vay tại nhà riêng của nguyên đơn. Số tiền trên là của cá nhân ông Trương Văn H cho cá nhân ông Phạm Thiên C vay riêng, không liên quan đến vợ ông Hồng và ông Cường

Bị đơn trình bày trong bản tự khai ngày 06/12/2022 và tại phiên tòa: Ông Phạm Thiên C xác nhận có vay của ông Trương Văn H số tiền 670.000.000 đồng theo hợp đồng cho vay tiền ngày 26/6/2014 hai bên đã ký. Tuy nhiên, bị đơn không xác nhận nội dung thỏa thuận lãi suất và thời hạn trên hợp đồng vay. Ông Phạm Thiên C cho rằng ông đã tất toán trả tiền vay cho ông Trương Văn H từ lâu nhưng ông không nhớ chính xác ngày nào trả. Khoản vay trên là khoản vay của cá nhân ông Phạm Thiên C, không liên quan đến vợ ông, hiện nay bị đơn đã ly hôn vợ rồi. Bị đơn không đồng ý trả tiền lãi vì bị đơn đã trả nợ rồi. Ông Phạm Thiên C đề nghị Tòa án để thêm thời gian cho ông thu thập thêm tài liệu chứng cứ.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh:

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Đây là tranh chấp về hợp đồng vay tài sản nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Về tố tụng: Tòa án đã xác định đúng người tham gia tố tụng. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng, đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng, các đương sự chấp hành đúng các quy định của pháp luật.

Về nội dung: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn là có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Quyền khởi kiện: Ông Phạm Thiên C vay tiền của ông Trương Văn H có ký hợp đồng vay tiền, do đó có cơ sở xác định giữa nguyên đơn và bị đơn có giao kết hợp đồng dân sự vay tài sản. Nguyên đơn cho rằng bị đơn chưa trả tiền vay nên nguyên đơn được quyền khởi kiện.

Thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bị đơn ông Phạm Thiên C có địa chỉ cư trú tại quận G, Thành phố H nên căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Về người tham gia tố tụng: Các đương sự đều có mặt tại phiên tòa.

[2]. Về nội dung:

Quan hệ pháp luật tranh chấp: Ông Trương Văn H và ông Phạm Thiên C có thỏa thuận vay tài sản thể hiện trong hợp đồng cho vay tiền ngày 26/6/2014. Từ đó có đủ căn cứ để xác định quan hệ pháp luật tranh chấp giữa hai bên là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2005. Luật nội dung áp dụng để giải quyết tranh chấp là Bộ luật Dân sự năm 2005.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trương Văn H, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Căn cứ vào hợp đồng cho vay tiền ngày 26/6/2014, ông Phạm Thiên C xác nhận có vay tiền của ông Trương Văn H theo hợp đồng cho vay tiền ngày 26/6/2014 cho thấy việc thỏa thuận vay tài sản nêu trên giữa các bên là có thật và phù hợp với các quy định của pháp luật.

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, trình bày của đương sự, xét thời điểm giao kết và thực hiện hợp đồng, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2005 quy định: *"Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định"*.

Hội đồng xét xử xét thấy ông Trương Văn H cho ông Phạm Thiên C vay số tiền 670.000.000 đồng theo hợp đồng cho vay tiền ngày 26/6/2014. Trong bản tự khai cũng như tại phiên tòa, bị đơn đều xác nhận có vay của nguyên đơn số tiền 670.000.000 đồng theo hợp đồng vay, ông Phạm Thiên C cho rằng ông đã tất toán trả tiền vay cho ông Trương Văn H từ lâu nhưng ông không nhớ chính xác ngày nào, bị đơn không đồng ý trả tiền nợ lãi, bị đơn đề nghị Tòa án để thêm thời gian cho bị đơn thu thập tài liệu chứng cứ. Nguyên đơn không thừa nhận bị đơn đã trả khoản tiền vay trên cho nguyên đơn. Xét vụ án thụ lý đã lâu, Tòa án tổ chức các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào các ngày 28/12/2022, 23/02/2023 và ngày 28/3/2023 để tạo điều kiện cho các đương sự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án nhưng bị đơn đều vắng mặt. Tòa án đã tống đạt các Quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ đề ngày 06/12/2022, ngày 07/3/2023, ngày 28/3/2023 yêu cầu ông Phạm Thiên C cung cấp toàn bộ tài liệu, chứng cứ có liên quan đến việc ký kết, thực hiện hợp đồng vay tài sản, việc trả nợ khoản vay 670.000.000 đồng và nợ lãi giữa ông Phạm Thiên C với ông Trương Văn H trong vụ án, nhưng bị đơn không có ý kiến phản hồi và đến nay bị đơn vẫn không xuất trình được tài liệu chứng cứ gì để chứng minh bị đơn đã trả khoản vay trên cho nguyên đơn nên bị đơn cho rằng đã tất toán trả khoản vay rồi là không có cơ sở.

Xét nguyên đơn xác nhận số tiền cho vay trên là khoản vay riêng giữa nguyên đơn và bị đơn, không liên quan đến vợ ông Trương Văn H, trên hợp đồng cũng chỉ ghi bên cho vay tên ông Trương Văn H. Bị đơn cũng xác nhận khoản vay trên là khoản vay của cá nhân ông Phạm Thiên C, không liên quan đến vợ ông, hiện nay bị đơn đã ly hôn vợ rồi. Theo hợp đồng cho vay tiền ngày 26/6/2014 có thỏa thuận thời hạn vay là 01 tháng tính từ ngày 26/6/2014 đến ngày 26/7/2014, bị đơn cho rằng nội dung thỏa thuận thời hạn và mức lãi suất do nguyên đơn ghi thêm sau đó nhưng bị đơn không xuất trình được tài liệu chứng cứ gì để chứng minh, bị đơn xác nhận số tiền vay và chữ ký ghi trên hợp đồng là của bị đơn, khoản vay cũng đã lâu. Do đó, có cơ sở khẳng định bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận giữa hai bên gây ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn nên ông Trương Văn H khởi kiện, yêu cầu thu hồi nợ là có cơ sở pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cần buộc cá nhân ông Phạm Thiên C phải trả cho ông Trương Văn H số tiền nợ gốc là 670.000.000 đồng.

Xét yêu cầu trả tiền lãi của nguyên đơn, do hợp đồng cho vay tiền các bên có thỏa thuận lãi suất nên theo quy định của pháp luật thì nguyên đơn được quyền yêu cầu bị đơn thanh toán tiền lãi. Căn cứ khoản 5 Điều 474 Bộ luật Dân sự năm 2005 quy định: *"Trong trường hợp vay có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả hoặc trả không đầy đủ thì bên vay phải trả lãi trên nợ gốc và lãi nợ quá hạn theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước công bố tương ứng với thời hạn vay tại thời điểm trả nợ"*; khoản 1 Điều 476 Bộ luật Dân sự năm 2005 quy định: *"Lãi suất vay do các bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá 150% của lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước công bố đối với loại cho vay tương ứng*"; theo khoản 2 Điều 478 Bộ luật Dân sự năm 2005 thì hợp đồng vay

tài sản mà các bên ký kết thuộc trường hợp vay có kỳ hạn và có thỏa thuận lãi. Căn cứ vào Điều 1 Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về mức lãi suất cơ bản bằng đồng Việt Nam là 9%/năm.

Xét ông Trương Văn H yêu cầu ông Phạm Thiên C phải thanh toán các khoản tiền lãi như sau: tiền lãi trên nợ gốc trong hạn tính từ ngày 26/6/2014 đến ngày 26/7/2014 là 6.700.000 đồng (cụ thể là 01 tháng x 670.000.000 đồng x 1%/tháng = 6.700.000 đồng); tiền lãi trên nợ gốc quá hạn từ ngày 26/7/2014 đến ngày 26/7/2017 là 180.900.000 đồng (tính cụ thể là: 670.000.000 đồng x 0,75%/tháng x 3 năm x 12 tháng = 180.900.000 đồng).

Hội đồng xét xử nhận thấy hợp đồng cho vay tiền ngày 26/6/2014, các bên có thỏa thuận mức lãi suất 1%/tháng là không vượt quá 150% của lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước công bố đối với loại cho vay tương ứng theo quy định tại khoản 1 Điều 476 Bộ luật Dân sự năm 2005 nên thỏa thuận lãi suất của các bên đương sự trong hợp đồng là phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn trả tiền lãi trên nợ gốc trong hạn tính từ ngày 26/6/2014 đến ngày 26/7/2014 là 6.700.000 đồng theo mức lãi suất 1%/tháng. Xét thời hạn vay đã hết mà bị đơn chưa trả nợ vay cho nguyên đơn nên nguyên đơn được quyền yêu cầu bị đơn trả tiền lãi quá hạn trên nợ gốc. Nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn trả tiền lãi trên nợ gốc quá hạn tính từ ngày 26/7/2014 đến ngày 26/7/2017 là 180.900.000 đồng (tính cụ thể là: 670.000.000 đồng x 0,75%/tháng x 3 năm x 12 tháng = 180.900.000 đồng) là có cơ sở theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, nguyên đơn còn yêu cầu bị đơn trả tiền lãi trên nợ lãi chưa trả tính từ ngày 26/7/2014 đến ngày 26/7/2017 là 2.010.000 đồng. Tuy nhiên, trong quá trình tố tụng, nguyên đơn đã rút lại một phần yêu cầu khởi kiện, nguyên đơn không yêu cầu bị đơn trả tiền lãi trên nợ lãi là 2.010.000 đồng nữa. Xét việc rút một phần yêu cầu khởi kiện này của nguyên đơn là tự nguyện nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Xét thời hạn thanh toán, do thời hạn vay đã hết và khoản vay đã lâu mà bị đơn vẫn chưa thanh toán các khoản nợ gốc và lãi cho nguyên đơn nên Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn trả tổng số tiền nợ gốc và lãi là 857.600.000 đồng ngay sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Hội đồng xét xử thống nhất với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Luật phí, lệ phí năm 2015, yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 150, Điều 177, Điều 203, Điều 217, Điều 218, Điều 219, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 238, Điều 266, Điều 273, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 471, Điều 474, Điều 476, Điều 478 Bộ luật Dân sự năm 2005;

Căn cứ Điều 357, 468, 688 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ Luật phí, lệ phí và Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trương Văn H.

- Buộc ông Phạm Thiên C phải có trách nhiệm trả cho ông Trương Văn H tổng số tiền nợ gốc và lãi là 857.600.000 (Tám trăm năm mươi bảy triệu sáu trăm nghìn) đồng, trong đó: nợ gốc là 670.000.000 (Sáu trăm bảy mươi triệu) đồng, nợ lãi là 6.700.000 đồng (Sáu triệu bảy trăm nghìn) đồng, nợ lãi quá hạn là 180.900.000 (Một trăm tám mươi triệu chín trăm nghìn) đồng, theo hợp đồng cho vay tiền ngày 26/6/2014.

Thời hạn thanh toán: Ông Phạm Thiên C phải thanh toán số nợ gốc và lãi trên cho ông Trương Văn H ngay sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật, thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, nếu bên phải thi hành án không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ nêu trên, thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2- Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu của ông Trương Văn H về việc buộc ông Phạm Thiên C trả tiền lãi trên nợ lãi là 2.010.000 (Hai triệu không trăm mười nghìn) đồng.

3- Về án phí dân sự sơ thẩm: Yêu cầu khởi kiện của ông Trương Văn H được chấp nhận nên ông Phạm Thiên C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 37.728.000 (Ba mươi bảy triệu bảy trăm hai mươi tám nghìn) đồng đối với khoản tiền ông Phạm Thiên C phải trả cho nguyên đơn là 857.600.000 (Tám trăm năm mươi bảy triệu sáu trăm nghìn) đồng.

Ông Trương Văn H được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 21.607.650 (Hai mươi mốt triệu sáu trăm linh bảy nghìn sáu trăm năm mươi) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2022/0011960 ngày 4/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

4- Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn ông Trương Văn H và bị đơn ông Phạm Thiên C có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

5- Về nghĩa vụ thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân

sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo các quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát ND quận Gò Vấp;
- Thi hành án DS quận Gò Vấp;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, HS (Hoa).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Thị Tám